



MỘT VÀI NÉT VỀ HỘI ĐÈN QUẢNG CHIẾU Ở KINH ĐÔ THĂNG LONG ĐỜI VUA LÝ NHÂN TÔNG

MAI KHÁNH*

Vào dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội và “Hoàng thành” trở thành di sản văn hóa thế giới, việc phục dựng hội đèn Quảng Chiếu đã được đặt ra. GS. Phan Huy Lê nhận định: Phục dựng lễ hội đèn Quảng Chiếu là tìm lại phần hồn của Hoàng thành Thăng Long.

Đóng góp vào công việc công phu này, chúng tôi đưa ra những tìm hiểu bước đầu về hội đèn Quảng Chiếu và giới hạn trong khoảng thời gian trị vì của vua Lý Nhân Tông (1072 - 1127).

Có ý kiến cho rằng, hội đèn Quảng Chiếu có từ đầu thời Lý, kéo dài cho tới thời Trần. Song, tra cứu trong các cuốn sử như: *Việt Sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư* thì chỉ thấy đời Lý Nhân Tông, 5 lần mở hội đèn Quảng Chiếu. *Việt Sử lược* chép: “Năm Canh Dần, hiệu Hội Trường Đại Khánh năm đầu (1110), mùa xuân, tháng Giêng, mở hội đèn Quảng Chiếu ở cửa Đại Hưng”, “Năm Bính Thân hiệu Hội Trường Đại Khánh năm thứ 7 (1116) mùa xuân, tháng Giêng, mở hội đèn Quảng Chiếu ở ngoài cửa Đại Hưng; làm sư bằng gỗ đánh chuông”. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Năm Canh Tý, Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ nhất (1120) tháng Hai, mở hội đèn Quảng

* *Giám đốc Bảo tàng Hà Nam*

Chiếu”, “Năm Bính Ngọ, Thiên Phù Duệ Vũ năm thứ 7 (1126) mùa xuân, tháng Giêng, mở hội đèn Quảng Chiếu bảy ngày đêm..., tháng 9 mở hội đèn Quảng Chiếu ở Long Trì, xuống chiếu cho sứ thần Chiêm Thành vào xem”. Như vậy, về thời gian mở hội, trừ năm 1126, hai lần mở hội, có một lần vào tháng 9, các hội mở vào các năm 1110, 1116, 1120 đều vào tháng Giêng hay tháng Hai.

Hội đèn Quảng Chiếu là một trong nhiều sinh hoạt văn hóa, lễ hội đời vua Lý Nhân Tông. Vào tháng 8 hay tháng 9 triều đình thường mở hội đua thuyền trên sông Nhị. Chùa, tháp do vua, hoàng hậu, hoàng tộc, đại thần chủ trì hưng công đều mở hội khánh thành. Trong cung đình thường tổ chức thi đá cầu, chọi gà,... Ngoài hội đèn Quảng Chiếu, sử còn chép tên các hội, như: Nhân vương (1077, 1126), Thiên Phật (1118). Một số nhà nghiên cứu khẳng định, hội đèn Quảng Chiếu là lễ hội Phật giáo, là dịp quảng chiếu ánh sáng từ bi, bác ái của đạo Phật, không chỉ cho nhà vua, triều đình mà còn cho muôn dân để cầu mong quốc thái, dân an, thái bình, thịnh trị. Chất Phật giáo của hội là rất rõ, song hội còn các nghi lễ, hình thức văn hóa, nghệ thuật thoát ly Phật giáo và đôi khi chịu ảnh hưởng của một số yếu tố Đạo giáo. Lý do mở hội đèn Quảng Chiếu là vấn đề cần

được tìm hiểu. Trở lại các ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có thể gợi lên một số sự kiện liên tưởng. Năm 1110, vua Lý Nhân Tông đổi niên hiệu từ Long Phù sang Hội Tường Đại Khánh. Năm 1115, phong ba hoàng hậu là Lan Anh, Khâm Thiên, Chấn Bảo và 36 cung nhân, Thái hậu Ý Lan đã cho dựng nhiều chùa. Năm 1120, ngày mồng Một tháng Giêng, bề tôi dâng biểu khuyên gia thêm tôn hiệu và xin đổi niên hiệu từ Hội Tường Đại Khánh sang Thiên Phù Duệ Vũ, nhà vua y theo. Tháng 11 năm 1125, nhà vua sai Lễ bộ Thị lang Lê Bá Ngọc đi đánh bọn Nùng Quỳnh và Mặc Thất Nhân ở châu Quảng Nguyên, trước đó vào tháng 10, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt. Các sự kiện trên có thể dẫn đến việc mở hội? Phải chăng, việc mở hội đèn Quảng Chiếu đều có liên quan đến các sự kiện rất quan trọng của triều đình, như việc đổi niên hiệu, dựng chùa tháp lớn hay xảy ra chiến trận...

Trên đây là một số phác họa về hội đèn Quảng Chiếu đời vua Lý Nhân Tông qua khai thác tư liệu của các cuốn sử cũ. Nhưng mô tả khá chi tiết về nghi lễ, sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, chỉ có thể tìm được trong *Văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh*, trên núi Đọi (xã Đọi Sơn, Duy Tiên, Hà Nam).

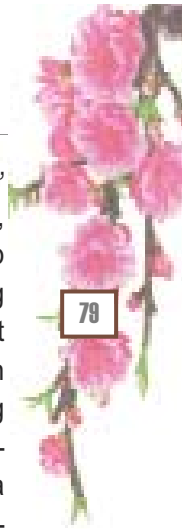
Dòng lạc khoản cuối bia cho biết: Bia được dựng vào ngày 6 tháng Bẩy năm Tân Sửu, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ hai (20/8/1121). Văn bia do Nguyễn Công Bật, giữ chức Triều liệt, Hình bộ Thượng thư, vâng sắc chỉ soạn. Đối chiếu với ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* thì có thể văn bia đã nói đến hội đèn Quảng Chiếu vào năm 1120, một sự kiện vừa mới diễn ra chưa lâu.

Thời gian mở hội có sự sai khác giữa sử cũ và văn bia. Nếu căn cứ theo *Văn bia Sùng Thiện Diên Linh*, chúng tôi cho rằng, hội đèn Quảng Chiếu năm 1120 mở vào mùa thu theo văn bia “gặp lúc trung thu cảnh đẹp”, trung thu tức tháng 8 (Âm lịch).

Hội đèn Quảng Chiếu do triều đình chủ trì trên một không gian rộng của hoàng thành, từ cấm thành tới sông Nhị Hà (sông Hồng).

Mở đầu hội là tế lễ trọng cúng dâng hoàng khảo, tức các vị tiên đế (Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông), với lễ mặn (cổ bàn). Sáng ngày mồng Ba tháng 8, đoàn ngự do nhà vua thân chinh tiến ra sông Nhị Hà. Văn bia mô tả: nhà vua “sửa sang xe giá. Cưỡi xe ngọc ra ngoài chính bệ (nơi thiết triều); lên loan xa rong ruổi đường vàng (đường rải cát vàng để xe vua đi cho êm). Quạt lông trĩ che hai bên; kiệu nạm bạc vây quanh bốn phía. Lọng báu rợp trời; cờ màu lóa nắng”. Qua mô tả chúng ta thấy đám rước thật trọng thể, lộng lẫy, rực rỡ sắc màu. Đoàn rước ra bờ sông Nhị, ở đó có ngôi điện báu Linh Quang để nhà vua ngự xem đua thuyền. Với lối văn khoa trương, biền ngẫu, văn bia cho thấy, ngày hội đua thuyền quy mô hoành tráng với “nghìn thuyền như chớp giạt giữa dòng; muôn trống tựa sấm vang mặt nước”. Đời vua Lý Nhân Tông, nhiều năm mở hội đua thuyền nhưng đua thuyền trong hội đèn Quảng Chiếu có lẽ là lớn nhất. Cùng với đua thuyền là lễ đón tiếp các tù trưởng, sứ thần, nhân chương biểu tâu lên vua. Đặc biệt, chúng ta được thấy trò biểu diễn múa rối nước, lần đầu tiên được mô tả trong hội đèn Quảng Chiếu: “Giữa lòng sóng rung rinh, con rùa vàng lớn nổi lên đội ba ngọn núi, trên mặt nước lừ đừ lộ mai, giơ bốn chân, chuyển động con người nhìn vào bờ, há miệng phun nước, ngẩng xem bộ tua mũ miện, lại nhìn ra chỗ không, nhìn tường vách cao vót, tấu điệu nhạc “vân thiều”, các cửa động cùng mở, các vị thần tiên lần lượt hiện ra, ý hẳn đó là văn vẻ cầu vòng trên trời, há phải sắc đẹp của trần gian, hoa tay mềm mại múa bài “gió về”, nhũ lông mày bơi hát khúc vận tốt. Chim quý đàn đôi ra múa nhịp nhàng, hươu lành sóng đàn đi diểu và nhảy nhót”.

Cùng với đua thuyền và múa rối nước, ở khu vực hoàng cung, trong vườn nhà vua, cảnh diễn trò săn thú cũng thật náo nhiệt: “Gặp lúc Thượng lâm đệ tử, cầm gậy sơn cấm lông trĩ lên đầu. Thét vang âm xô đến trước vua, đắp bãi rộng làm nơi săn thú. Kéo cung đuổi bắt, rút kiếm dạo quanh. Kẻ trở oai



trong chốc lát, người đón rước lúc bấy giờ”.

Trong hội đèn Quảng Chiếu không thể thiếu các nghi lễ của Mật giáo (Mật tông). Không gian nghi lễ được văn bia phác họa như sau: “Dựng đài cao Quảng Chiếu, hướng sân trước Đoan môn (cửa thành phía Nam). Trong nêu một cột; ngoài đặt bảy tầng. Uốn hình cung nâng đỡ sen vàng; máy lồng nhiều cho cho ngọn nến... Lại có bảo thánh trang nghiêm; diện vàng viền báu. Do thánh ý dựng nên; đặt tượng vàng hai dãy lầu hoa, trong treo chuông vàng, khắc chú tiểu ăn mặc nâu sồng; vắn máy ngàm giờ vồ lên đánh”. Mặc dù là lối văn hoa khoa trương, tượng trưng nhưng cũng có thể hình dung khá cụ thể về quang cảnh bài trí, huy hoàng cho buổi lễ. Còn đài lễ, theo Giáo sư Hà Văn Tấn (*Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2 - 2000) thì: “trong hội đèn Quảng Chiếu ở Thăng Long, có 7 ngôi tháp xếp thành một hàng, trên mỗi tháp đặt một pho tượng Phật. Tháp chính giữa bằng vàng, có tượng Phật Đa Bảo, hay Đa Bảo Như Lai, tên Sanskrit LaPrabhutaratna, theo *Diệu pháp liên hoa kinh* là vị cổ Phật ở thế giới Bảo Tịnh Đông Phương, khi còn là Bồ Tát, có lời nguyện là sau khi thành Phật, nếu có chư Phật giảng kinh Diệu pháp liên hoa ở đâu thì sẽ có bảo tháp chứa xá lị của mình hiện ra ở đó. Vì vậy, khi Phật Thích Ca giảng kinh ở núi Linh Thứu, có bảo tháp ở Phật Đa Bảo hiện ra, trong tháp vang lên lời tán thán Thích Ca. Ở hai bên tháp vàng là hai tháp được làm bằng bạc. Tháp bạc bên trái có tượng Phật A Di Đà, tháp bạc bên phải có tượng Diệu Sắc Thân. Phật A Di Đà (Ami tabha) thì hẳn mọi người đều đã biết, đó là vị Phật ở phương Tây. Còn Diệu Sắc Thân hay Diệu Sắc Như Lai, tên Sanskrit là Surupakayau Tathagata, là một tên khác của Phật Axúc (Aksobhya) tức vị Phật ở phương Đông. Hai tháp bên cạnh các tháp bạc làm bằng gỗ mun Ô văn. Tháp bên trái có tượng Phật Quảng Bác Thân. Quảng Bác Thân (tên Sanskrit là Vipulakaya) là một tên khác của Phật Tì Lô Già Na (Vairocana) hay Đại Nhật Như Lai, được coi là Phật ở trung ương.

Tháp bên phải có tượng Phật Ly Bồ Úy Như Lai, là một tên gọi khác của Thích Ca Mâu Ni, được gọi là Phật ở phương Bắc. Hai tháp bên cạnh các tháp gỗ mun, được làm bằng ngà voi. Tháp ngà bên trái đặt tượng Phật Cam Lồ Vương. Cam Lồ Vương là một tên khác của A Di Đà. Ở tháp bên phải có tượng Phật Bảo Thắng. Phật Bảo Thắng (tên Sanskrit là là Ratnaketu) là một tên gọi khác của Phật Bảo Chưởng hay Bảo Sinh (Ratnasmbhava) tức vị Phật ở phương Nam... Như vậy rõ ràng các tháp ở hội đèn Quảng Chiếu Thăng Long thời Lý là có liên quan với với lễ thí thực cho ma đói, hay nói chung là cho các cô hồn. Ở đây, ta thấy một ảnh hưởng của Mật giáo khá rõ ràng”.

Trở lại tên hội đèn Quảng Chiếu, chúng tôi cho rằng “đèn” có thể hiểu là đàn lễ (Mandala) Mật giáo gồm 7 tháp, trong tháp đặt tượng Phật tỏa ánh sáng (Quảng chiếu) trí tuệ, từ bi, hỉ xả vô lượng, vô biên.

Ở trên mới nói đến đàn lễ Mật giáo, nhưng cử hành nghi thức như thế nào? Đoạn mô tả hội khánh thành bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh ở Long Đọi sơn trong văn bia có nói đến nghi lễ thí thực, có thể góp phần làm rõ thêm cách thức hành lễ trong nghi lễ Mật giáo của hội đèn Quảng Chiếu: “Hội tăng ni trai khiết; diễn giác đế chân kinh. Hoàng đế nghiêm trang, đọc kệ đoạn cú đầu tạ lễ; cung nga khép nép, nghe kinh xong dâng sửa múa ca”. Có thể trong hội đèn Quảng Chiếu chính nhà vua cũng đích thân đứng ra làm chủ nghi lễ Mật giáo.

Việc phục dựng hội đèn Quảng Chiếu thời Lý, tất nhiên không chỉ dựa hoàn toàn vào *Văn bia Sùng Thiện Diên Linh*, nhưng văn bia là nguồn tư liệu hết sức quan trọng, cho thấy, hội đèn Quảng Chiếu là lễ hội hòa trộn tổng hợp giữa nghi lễ Mật giáo với nghi thức triều đình, sinh hoạt văn hóa nghệ thuật cung đình dân gian. Và như vậy, hội đèn Quảng Chiếu như là lễ hội mang tính chất kép: thể tục và tôn giáo./.

M.K